

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VHXXH  
V/v báo cáo đối tượng thuộc  
diện khám sức khỏe định kỳ,  
khám sàng lọc miễn phí theo  
Công văn 4627/SYT-NVY  
của Sở Y tế

Đức Phổ, ngày tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Công văn số 4627/SYT-NVY ngày 20/8/2026 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân năm 2026.

Qua rà soát các nhóm đối tượng thuộc diện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân theo yêu cầu nội dung Công văn số 4627/SYT-NVY ngày 20/8/2026 của Sở Y tế tỉnh, UBND phường Đức Phổ báo cáo đối tượng thuộc diện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân và dự toán kinh phí thực hiện khám sức khỏe theo lộ trình năm 2026, cụ thể như sau:

*(Chi tiết theo phụ lục 1, 2 đính kèm)*

Kính gửi Sở Y tế tỉnh theo dõi, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND phường;
- Phòng Văn hóa - Xã hội phường;
- Trạm y tế phường;
- Văn phòng: PC, CVVP;
- Lưu: VT, VHXXH<sub>Thư</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Hải**

**Phụ lục 1**  
**TỔNG HỢP SỐ LIỆU RÀ SOÁT CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC**  
**KHỎE ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ CHO NGƯỜI DÂN**  
(Kèm theo Công văn số      /UBND-VHXXH ngày    /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đơn vị: UBND phường Đức Phổ.
- Dân số: 40.473 người.

**II. THÔNG TIN SỐ LIỆU**

| TT | Đối tượng                                                                                                                                                         | Số lượng      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1  | Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên                                                                                                                                 | 1.504         |
| 2  | Người khuyết tật                                                                                                                                                  | 651           |
| 3  | Người thuộc hộ nghèo                                                                                                                                              | 339           |
| 4  | Trẻ em < 6 tuổi (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)                                                                                                                 | 708           |
| 5  | Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi                                                                                                                             | 1.509         |
| 6  | Người thuộc hộ cận nghèo                                                                                                                                          | 439           |
| 7  | Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi                                                                                                                             | 3.607         |
| 8  | Người có công, người mắc bệnh mạn tính                                                                                                                            | 2.283         |
| 9  | Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (Trừ những đối tượng trên) | 0             |
|    | Tổng cộng:                                                                                                                                                        | <b>11.040</b> |

*Số liệu chính thức thực hiện sau khi rà soát, đối chiếu và loại trừ trùng lặp.*

**PHỤ LỤC 2**  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ MIỄN PHÍ**  
**CHO NGƯỜI DÂN**

(Kèm theo Công văn số      /UBND-VHXX ngày      /8/2026 của UBND phường Đức Phổ)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Đơn vị: UBND phường Đức Phổ.

2. Dân số: 40.473 người.

**II. THÔNG TIN SỐ LIỆU**

| TT                        | Đối tượng thực hiện khám                                                                                                                                                              | Số lượng      | Giá gói khám/người | Thành tiền           |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------|----------------------|
| 1                         | Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên                                                                                                                                                     | 1.504         | 213.440            | 321.013.760          |
| 2                         | Người khuyết tật                                                                                                                                                                      | 651           | 213.440            | 138.949.440          |
| 3                         | Người thuộc hộ nghèo                                                                                                                                                                  | 339           | 213.440            | 72.356.160           |
| 4                         | Trẻ em < 6 tuổi (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)                                                                                                                                     | 708           | 36.500             | 25.842.000           |
| 5                         | Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi                                                                                                                                                 | 1.509         | 213.440            | 322.080.960          |
| 6                         | Người thuộc hộ cận nghèo                                                                                                                                                              | 439           | 213.440            | 93.700.160           |
| 7                         | Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi                                                                                                                                                 | 3.607         | 213.440            | 769.878.080          |
| 8                         | Người có công, người mắc bệnh mạn tính                                                                                                                                                | 2.283         | 213.440            | 487.283.520          |
| 9                         | Các đối tượng còn lại không thuộc các nhóm đối tượng trên (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông) | 12.231        | 213.440            | 2.610.584.640        |
| <b>Tổng số đối tượng:</b> |                                                                                                                                                                                       | <b>23.271</b> |                    | <b>4.841.688.720</b> |

**Lưu ý:**

1. Gói khám sức khỏe cho nhóm trẻ em dưới 6 tuổi thực hiện khám tại Trạm y tế xã. (Không thực hiện cận lâm sàng): 36.500đồng/người

2. Gói khám sức khỏe cho các nhóm đối tượng từ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi (không thực hiện cận lâm sàng) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe: 51.740đồng/người

3. Gói khám sức khỏe cho các nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên (có thực hiện cận lâm sàng) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe: Khám lâm sàng 51.740đồng/người + cận lâm sàng = 213.440 đồng/người